



TẬP ĐOÀN HAPACO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

Hải Phòng, tháng 04 năm 2019



Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Company Name: HAPACO GROUP

Tên viết tắt/Abbreviated Name: HAPACO

Số CNĐKDN/Business Registration No.: 055591

Mã chứng khoán/Stock Code: HAP

Vốn điều lệ: 556.266.210.000 đồng
Share Capital: VND 556,266,210,000

Trụ sở chính: Tầng 3 Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28 Lê Hồng Phong, Quận Ngô
Quyên, TP. Hải Phòng.

Head Office: 3 Floor, Green Building, No. 7 Lot 28 Le Hong Phong Street, Ngo
Quyên District, Hai Phong City

Tel: 84-225-3556002

Fax: 84-225-3556008

Email: hapaco@hapaco.vn

Website: www.hapaco.vn

Mục Lục

Thông tin chung	4
Thông tin khái quát	4
Quá trình hình thành và phát triển	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	8
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
Định hướng phát triển	9
Các rủi ro	12
Tình hình hoạt động trong năm	14
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
Tổ chức và nhân sự	15
Tình hình tài chính	23
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	22
Quản lý nguồn nguyên vật liệu	22
Tiêu thụ năng lượng	23
Tiêu thụ nước	23
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	23
Chính sách liên quan đến người lao động	23
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	24
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	25
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	25
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
Tình hình tài chính	26
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tập đoàn	30
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tập đoàn	30
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	30
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	31
Quản trị Công ty	31
Hội đồng quản trị	31
Ban kiểm soát	34
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	34
Báo cáo tài chính	44

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Tên viết tắt: TẬP ĐOÀN HAPACO

Tên giao dịch: HAPACO

Vốn điều lệ: **556.266.210.000 VND**

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28 Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: +84 225 3556002

Fax: +84 225 3556008

Website: www.hapaco.vn - Email: hapaco@hapaco.vn

Tập đoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **055591** ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Mã số thuế: 0200371361

Mã cổ phiếu: **HAP**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến, được thành lập ngày 14/09/1960 từ cơ sở giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành DNNN, chuyên sản xuất các loại bìa cát tông với các thiết bị cũ sản xuất trong nước, giải quyết một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân thành phố thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu giấy viết giấy in tài liệu tăng cao, Xí nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng, cung cấp các loại giấy in, viết, đánh máy.

Tháng 12/1986, xí nghiệp đổi tên thành Nhà máy Giấy Hải Phòng. Thời gian này chất lượng các sản phẩm giấy của Nhà máy không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phúc, vì vậy lãnh đạo Nhà máy quyết định chọn phương thức sản xuất mới cho thị trường phía bắc, cải tiến các thiết bị sản xuất giấy vệ sinh trên dây truyền thiết bị cũ tiết kiệm hàng tỷ đồng, bên cạnh đó, đẩy mạnh xuất khẩu sang Liên Xô (cũ).



SẢN PHẨM GIẤY XUẤT KHẨU

Năm 1991, Nhà máy đã nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu sang Đài Loan sản phẩm giấy để, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Việt Nam thời gian đó, nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của Nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Tháng 12/1992, Nhà máy đổi tên thành Công ty Giấy Hải Phòng - HAPACO. Từ đây, Công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng hàng năm 31%, đặc biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng là 200%. HAPACO trở thành công ty đứng thứ 2 ở miền Bắc trong ngành Giấy.

Đầu năm 1998, Công ty Giấy Hải Phòng đã tách 3 phân xưởng sản xuất để thực hiện thí điểm cổ phần hóa đầu tiên ở miền Bắc thành lập Công ty cổ phần Hải Âu (HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên, UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hóa phần còn lại của Công ty. Ngày 28/10/1999, Công ty Giấy Hải Phòng chính thức hợp nhất vào Công ty cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng - HAPACO.

Tháng 8/2000, Công ty là một trong 03 công ty cổ phần đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh).

Ngày 7/4/2006, trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng thành Công ty Cổ phần HAPACO.



SẢN XUẤT GIẤY KRAFT

Ngày 25/11/2006, Nhà máy giấy Kraft của Công ty đã khánh thành đưa vào sản xuất, đây là nhà máy sản xuất giấy Kraft lớn nhất miền bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm. Công trình được thành phố Hải Phòng đưa vào công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Công ty đã mua lại các nhà máy, các công ty trong và ngoài ngành giấy nâng tổng số công ty thành viên là 05 công ty, đáp ứng yêu cầu ổn định nguồn nguyên liệu sản xuất và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó với điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi trong năm 2003÷2007 công ty đã thực hiện đầu tư tham gia vào lĩnh vực tài chính chứng khoán như góp vốn thành lập Công ty Chứng khoán Hải Phòng, thành lập Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty TNHH đầu tư tài chính Hapaco đã đem lại lợi nhuận đáng kể.

Năm 2009, để đáp ứng quy mô phát triển về cả chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn với tên gọi Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO (gọi tắt là Tập đoàn HAPACO) gồm 14 công ty thành viên và 3 công ty liên kết. Theo đó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ do từng đơn vị thành viên

trong Tập đoàn chịu trách nhiệm, Ban lãnh đạo Tập đoàn thực hiện vai trò giám sát điều tiết các nguồn lực cho sự phát triển của tất cả các thành viên.

Năm 2011, nhằm tập trung nguồn lực, phát triển thương hiệu, mở rộng sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư, Tập đoàn HAPACO đã tiến hành tái cấu trúc Tập đoàn, phát hành thêm cổ phiếu sáp nhập hai Công ty con là HAPACO Hải Âu và HAPACO Yên Sơn vào Tập đoàn HAPACO.



SẢN PHẨM GIẤY TISSUE

Năm 2012, nhằm đáp ứng nhu cầu giấy tissue của thị trường, Tập đoàn đầu tư thêm 02 dây chuyền giấy vệ sinh tại Công ty H.P.P có đủ điều kiện cần thiết cho lắp đặt và đã đưa vào sản xuất.

Tháng 11/2012, Tập đoàn mua lại xí nghiệp sản xuất giấy xuất khẩu của Công ty TNHH MTV Lâm trường Việt Hưng là doanh nghiệp nhà nước tại tỉnh Yên Bái để tăng sản lượng giấy xuất khẩu của Tập đoàn thêm 10%.

Tháng 10/2013, Tập đoàn mua lại xí nghiệp giấy thuộc Lâm trường Lục Yên hiện nay là xí nghiệp giấy An Lạc thuộc Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn.

Ngày 10/10/2014, Tập đoàn đưa dự án Bệnh viện Quốc tế Green vào hoạt động đúng tiến độ với tổng vốn đầu tư 447 tỷ đồng là công trình chào mừng 85 năm thành lập Công đoàn Việt Nam.

Năm 2015, Tập đoàn cải tiến dây chuyền sản xuất giấy Kraft của Công ty TNHH HAPACO H.P.P, sản xuất được sản phẩm mới, chất lượng thay thế hàng nhập khẩu, tiêu thụ tốt, bước đầu đã có hiệu quả tiến tới ổn định, phát triển và mở rộng. Trong năm, Tập đoàn cũng thay đổi cơ chế quản lý thu mua nguyên liệu và quy trình sản xuất tại Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn nâng cao năng xuất và hiệu quả hoạt động của Công ty, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

Năm 2016, phát huy những tiến bộ đạt được năm 2015, sản lượng giấy kraft của Công ty TNHH HAPACO H.P.P tăng trưởng 218% so với cùng kỳ với chất lượng cao và ổn định. Về lĩnh vực sản xuất giấy để và gia công giấy xuất khẩu, Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn giữ vững được chất lượng sản phẩm, uy tín cao với khách hàng nước ngoài; Công ty Cổ phần Hải Hà cải tiến cơ chế thu mua nguyên liệu và quy trình sản xuất tăng được sản lượng giấy và hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng 138% so với cùng kỳ. Về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Bệnh viện Quốc tế Green đã được Sở Y tế thẩm định cấp phép hoạt động bổ sung 02 chuyên khoa Nội tổng hợp - Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ và ký kết hợp đồng khám chữa bệnh BHYT với BHXH thành phố, tăng trưởng số lượng số lượt khám bệnh 184% và tăng trưởng tỷ lệ sử dụng giường bệnh 154% so với cùng kỳ.

Năm 2017: Nhờ sở hữu kỹ thuật, công nghệ đặc biệt sản xuất giấy kraft chất lượng cao và có thị trường rộng lớn trong nước, trong năm 2017 Tập đoàn HAPACO đã đầu tư thiết bị, mở rộng sản xuất nâng công suất giấy kraft lên 2.500 tấn/tháng. Bước tiến này đang tạo đột biến về doanh thu và lợi nhuận ròng cho Tập đoàn trong năm 2018.

Lĩnh vực sản xuất giấy để xuất khẩu sang thị trường Đài Loan của Tập đoàn vẫn giữ vững và củng cố thị phần, bước đầu đã mở rộng sang thị trường Trung Quốc.

Về chiến lược dài hạn, Tập đoàn đang nghiên cứu thị trường song song với việc xúc tiến đầu tư dự án sản xuất giấy từ bột đá, đây là công nghệ mới thân thiện với môi trường, đón đầu chính sách bảo vệ môi trường của chính phủ.

Năm 2018: Là năm bùng nổ nhu cầu giấy xuất khẩu, Tập đoàn giữ vững được ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng tích lũy và đem lại lợi ích cho cổ đông.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;

- Hoạt động xây dựng và quản lý bệnh viện.

+ Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thành trong nước và Quốc tế

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các cán bộ quản lý;

b. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO đến ngày 31/12/2018 gồm Ban Tổng Giám đốc; 03 phòng ban, cụ thể như sau:

- Ban Tổng Giám đốc;
- Văn phòng Tổng hợp;
- Phòng Kế toán ;

Các Công ty con

TT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Công ty cổ phần giấy Hải Phòng	Số 441A Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
2	Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Số 638 Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
3	Công ty TNHH MTV HAPACO Đông Bắc	Km 18, quốc lộ 15A, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.
4	Công ty cổ phần Hải Hà	Cụm CN Nam Quang, thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

5	Công ty cổ phần giấy Hải Phòng HAPACO	Thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
6	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhận định chung: Kinh tế trong nước đã khởi sắc tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của Tập đoàn. Thị trường cho sản phẩm của công ty có nhiều cơ hội để công ty có điều kiện mở rộng sản xuất kinh doanh. Thế hệ lãnh đạo thứ 2 của Tập đoàn đã trưởng thành, từng bước đảm đương được sứ mệnh phát triển của Tập đoàn.

❖ **Mục tiêu tổng quát:** Lấy mục tiêu ổn định làm gốc để phát triển Tập đoàn; Tăng cường quản trị doanh nghiệp để đạt được sự phát triển bền vững.

❖ Mục tiêu cụ thể:

- **Mục tiêu thị trường, sản phẩm:** Duy trì thị trường truyền thống sản xuất, tiêu thụ giấy nội địa và xuất khẩu, kinh doanh thương mại và dịch vụ; Chủ động nghiên cứu và chiếm lĩnh một số thị trường mới.
- Sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của Tập đoàn.
- Nâng cao giá trị của Tập đoàn, đảm bảo quyền lợi của cổ đông cũng như thu nhập của người lao động trong Tập đoàn được tăng trưởng hàng năm.
- Sản phẩm của Tập đoàn luôn được khách hàng tin tưởng và tín nhiệm ngày càng cao.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đã đề ra;



DÂY TRUYỀN SẢN XUẤT GIẤY KRAFT

- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư;
- **Về thị trường:** Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như giấy nội địa và xuất khẩu, kinh doanh thương mại, dịch vụ của bệnh viện. Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp miễn là có việc làm, có doanh thu và có lợi nhuận;
- **Về sản phẩm:** Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của HAPACO, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, tăng giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng cao.
- **Về tài chính:** Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, phát huy dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn: Bảo lãnh, tín chấp, thế chấp tài sản, trái phiếu doanh nghiệp...; Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư, phối hợp đồng bộ trong công tác sản xuất, xuất hàng, giao hàng, thu tiền hàng, chuyển tiền nhằm tăng vòng quay đồng vốn giảm thiểu vốn vay các tổ chức tín dụng để tăng lợi nhuận cho Tập đoàn.
- **Về quan hệ khách hàng:** Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, củng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện tốt các thỏa thuận giữa khách hàng với Tập đoàn. Tối ưu hóa các lợi thế về thương hiệu, trình độ điều hành quản lý, nhà xưởng máy móc thiết bị, nguồn nhân lực có tay nghề cao và tiềm lực tài chính hiện có vào quá trình chào hàng. Nắm bắt xử lý linh hoạt kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến công tác chào hàng đảm bảo lấy được nhiều đơn hàng về cho Tập đoàn.
- **Về nhân lực:** Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án; thực hiện tốt công tác tuyển dụng đào tạo, bố trí sử dụng và đãi ngộ đối với từng chức danh, vị trí, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và lao động giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với Tập đoàn. Thực hiện nghiêm túc việc khoán sản phẩm tới ca sản xuất nhằm tối đa khả năng sáng

tạo trong lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên, kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tập đoàn:

- Phân đấu để giữ vững truyền thống dẫn đầu của Việt Nam về sản xuất giấy xuất khẩu.
- Mang đến cho khách hàng sự trân trọng của tình nghĩa bạn bè qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.
- Tôn trọng và hợp tác với đối tác với tiêu chí đôi bên cùng có lợi.
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng.
- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng và cộng sự.
- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp.
- Lấy hiệu quả của công việc là thước đo trong mọi hoạt động.
- HAPACO cam kết cung cấp sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn cao và ứng dụng công nghệ tiên tiến.
- HAPACO thông qua việc luôn lắng nghe ý kiến của khách hàng, tăng cường năng lực của ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược với khách hàng để mang đến sự phát triển bền vững cho Tập đoàn, cho cổ đông và người lao động trong toàn Tập đoàn.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro về mặt pháp luật:

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên Thị trường Chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Tập đoàn chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật đầu tư, Luật đất đai và các qui định liên quan đến đất đai môi trường,...vv. Trong từng thời kỳ các chính sách của nhà nước có thay đổi liên quan đến ngành sản xuất giấy nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi chế độ chính sách của các cơ quan chức năng không kịp thời đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

b. Rủi ro đặc thù ngành:**○ Rủi ro nguyên vật liệu:**

Với hoạt động sản xuất chủ yếu của Tập đoàn hiện nay là sản xuất giấy. Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất giấy của Tập đoàn được cung ứng từ các công ty, nhà máy ở các tỉnh phía Bắc, giá và sản lượng có thể thay đổi do những điều kiện khách quan và chủ quan. Thời gian qua Tập đoàn đã không ngừng phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo ổn định yếu tố đầu vào của doanh nghiệp thông qua việc liên doanh, liên kết phát triển các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy thành phẩm tại các tỉnh Yên Bái, Hòa Bình, Hà Giang...Ngoài ra, lĩnh vực sản xuất giấy tissue và kraft của Tập đoàn cũng chịu rủi ro về nguồn cung giấy lẻ nhập khẩu.

○ Rủi ro về quản lý:

Trong những năm qua, hoạt động của Tập đoàn tập trung vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy. Tuy nhiên, Tập đoàn đang hướng đến việc chuyển mạnh sang dịch vụ, thương mại, tài chính. Chính vì vậy quy mô hoạt động của Tập đoàn sẽ có sự thay đổi và lớn mạnh căn bản, điều này đặt ra những đòi hỏi về trình độ quản lý của ban lãnh đạo Tập đoàn phải đáp ứng kịp thời sự chuyển hướng của Tập đoàn, đây là một trong những thách thức của ban lãnh đạo Tập đoàn.

c. Rủi ro về thị trường:

Nước ta gia nhập tổ chức thương mại quốc tế và ký hiệp định EVFTA, CPTTP tạo ra nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức đòi hỏi ngành sản xuất giấy trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phải phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và phương pháp quản lý khoa học sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

d. Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	SO SÁNH (%)
1	Sản lượng sản xuất				
	Giấy đế	Tấn	20.988	22.603	107,69%
	Giấy Kraft	Tấn	12.129	18.029	148,65%
	Giấy Tissue	Tấn	2.153	3.027	140,59%
	Xuất khẩu	Conts	998	1.263	126,55%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	381.109	476.101	157,25%
	Xuất khẩu:	USD	10.032.846	13.563.533	135,19%
4	LN trước thuế	Triệu đồng	16.450	41.819	254,22%
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	Nộp đúng, nộp đủ	Nộp đúng, nộp đủ	

Năm 2018 là một năm đầy khó khăn đối với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn do biến động thị trường giấy xuất khẩu sang Đài Loan và Trung Quốc, khan hiếm nguyên liệu, rủi ro thời tiết, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, Tập đoàn đã chủ động vượt qua trở ngại, tạo được tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, dự kiến sẽ thanh toán cổ tức bằng tiền mặt cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Thành Viên Ban Lãnh Đạo

Hội Đồng Quản Trị

**Ông Vũ Dương Hiền****Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- **Năm sinh:** 14/9/1942
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ kinh tế
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Chủ tịch HĐQT
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
- **SLCP sở hữu:** 7.184.167 CP chiếm 12,91% VDL

**Ông Vũ Xuân Thủy****Phó Chủ tịch HĐQT**

- **Năm sinh:** 15/12/1966
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư chế tạo máy
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Phó Chủ tịch HĐQT
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 455.340 CP chiếm 0,82% VDL

**Ông Vũ Xuân Thịnh****Thành viên HĐQT**

- **Năm sinh:** 20/6/1974
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên HĐQT- Phó TGD
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 389.547 CP chiếm 0,70% VDL

**Ông Vũ Xuân Cường****Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc****Ông Nguyễn Đức Hậu****Thành viên HĐQT**

- **Năm sinh:** 12/4/1971
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Ths. quản trị kinh doanh
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 144.511 CP chiếm 0,26% VDL

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 20/12/1952
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Trung cấp công nghệ giấy
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên HĐQT
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 269.884 CP chiếm 0,49% VDL

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 21/08/1971
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Cử nhân KT - TCKT
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên HĐQT- Phó TGD
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 74.828 CP chiếm 0,13% VDL



Ông Lê Như Tiến

Thành viên HĐQT

- **Năm sinh:** 04/08/1954
- **Nơi sinh:** Thanh Hóa
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Cử nhân ngôn ngữ, cử
nhân luật nhà nước
- **Chức vụ công tác tại**
Công ty: Thành viên
HĐQT
- **Chức vụ công tác tại tổ**
chức khác: Không
- **SLCP sở hữu:** 1.025 CP
chiếm 0,002% VDL

Thành Viên Ban Lãnh Đạo (tiếp theo)

Ban Kiểm Soát



Ông Nguyễn Thanh Toàn

Trưởng ban Kiểm soát

- **Năm sinh:** 22/08/1970
- **Nơi sinh:** Hải Phòng
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Cử nhân kinh tế, kiểm toán viên
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Trưởng Ban kiểm soát
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 0 CP



Ông Võ Văn Tính

Thành viên ban Kiểm soát

- **Năm sinh:** 03/07/1975
- **Nơi sinh:** Phú Thọ
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 39.528 CP chiếm 0,07% VDL



Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang

Thành viên ban Kiểm soát

- **Năm sinh:** 14/08/1979
- **Nơi sinh:** Hà Nội
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Cử nhân luật
- **Chức vụ công tác tại Công ty:** Thành viên Ban kiểm soát
- **Chức vụ công tác tại tổ chức khác:** Không
- **SLCP sở hữu:** 164 CP chiếm 0,0003% VDL

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Ông Vũ Xuân Thủy được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty thay cho Ông Vũ Xuân Cường vào ngày 08/08/2018.

c. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 đạt 5.376.000 VNĐ/người/tháng.
- Tổng số lao động bình quân năm 2018 của Tập đoàn là 1.150 người.
- Tập đoàn đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Tập đoàn, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động nhằm đem lại thu nhập ngày càng cao hơn. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định mỗi tháng.
- Các chính sách bổ sung tiền lương nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua lao động sản xuất, tiền ăn ca cho người lao động được Tập đoàn thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động yên tâm công tác.
- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các trang thiết bị an toàn và bảo hộ lao động cũng như đào tạo hướng dẫn về an toàn lao động được Tập đoàn đáp ứng đầy đủ cho người lao động.

3. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Ngân đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	795.598.391	820.400.710	3,14%
Doanh thu thuần	380.967.369	476.090.288	25,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.062.805	41.925.900	199,30%

Lợi nhuận khác	2.387.408	(107.003)	
Lợi nhuận trước thuế	16.450.214	41.818.897	154,10%)
Lợi nhuận sau thuế	13.423.007	33.999.341	153,30%

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thống nhất thông qua việc giữ lại lợi nhuận năm 2017 để tái đầu tư.

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,39	3,84
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,02	3,19
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	34,03	0,16
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,19
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,41 Lần	2,03 Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,34	0,48
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,13%	3,52%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	1,99%	2%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,31%	1,69%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	2,79%	3,69%

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần tại ngày 25/3/2019:

Tổng số lượng cổ phiếu đang niêm yết:	55.626.621 cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	55.471.151 cổ phiếu
○ Cổ phiếu phổ thông:	55.626.621 cổ phiếu
○ Cổ phiếu ưu đãi, khác:	Không
○ Cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	55.626.621 cổ phiếu
○ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	Không
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%) (CP)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	154.589	0,28	62
	- Cá nhân	51.518.504	92,61	6.284
2	Cổ đông nước ngoài			
	- Tổ chức	1.515.039	2,98	19
	- Cá nhân	2.283.019	3,84	474
3	Cổ phiếu quỹ	155.470	0,29	1
Tổng cộng		55.626.621	100%	6.923

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	TS. Vũ Dương Hiền	1/274 Lạch tray, Ngõ Quyền, Hải Phòng	7.184.167	12,91%

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2017	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	556.266.210.000 VNĐ	556.266.210.000 VNĐ

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

d. Các chứng khoán khác: Không có.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Sản xuất giấy để xuất khẩu : 49.361,46 tấn nguyên liệu
- Sản xuất giấy kraft : 14.831,521 tấn nguyên liệu
- Sản xuất giấy tissue : 4.381,98 tấn nguyên liệu
- Tổng cộng** : 68.574,961 tấn nguyên liệu

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Lượng nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất: 18.515,24 tấn nguyên liệu = 27,01%

5.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ năng lượng sản xuất giấy để xuất khẩu: 3,6m³ củi + 360 kwh điện/tấn sản phẩm
- Tiêu thụ năng lượng sản xuất giấy kraft: 250 kg than + 490 kwh điện/tấn sản phẩm
- Tiêu thụ năng lượng sản xuất giấy tissue: 800 kg than + 900 kwh điện/tấn sản phẩm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: tiết kiệm chi phí 10% năng lượng điện thông qua việc phân bổ thời gian chạy máy hợp lí tránh giờ cao điểm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không.

5.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nước sông với lượng nước 7m³/tấn sản phẩm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 100% lượng nước được tái sử dụng qua hồ tuần hoàn.

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động bình quân năm 2018 là 1.150 người với mức lương bình quân: 5.376.000 VNĐ/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: lao động trong Tập đoàn được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại Bệnh viện Quốc tế Green; được hưởng đầy đủ chế độ Lễ, Tết, Ngày nghỉ, phép năm theo qui định của Luật Lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Năm 2018 là năm mà Tập đoàn HAPACO đã có sự đầu tư nghiêm túc trong lĩnh vực đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên.

5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Ngoài việc tập trung nguồn lực để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đóng góp nghĩa vụ ngân sách với nhà nước đúng, đầy đủ kịp thời; chăm lo đời sống người lao động ổn định, tăng trưởng ở mức khá so với mặt bằng trình độ tay nghề của địa phương, các hoạt động xã hội từ thiện thường xuyên được Tập đoàn quan tâm, đóng góp: như việc đóng góp cho quỹ của quận, huyện trong đó có quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập, quỹ chăm sóc phát huy vai trò người cao tuổi, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ chăm sóc và bảo vệ trẻ em, quỹ hoạt động xã hội hóa công đoàn, quỹ phòng chống lụt bão của quận, huyện, ủng hộ một số xóm xã địa phương xây dựng công trình nông thôn mới; ủng hộ cho các phong trào hoạt động văn hóa thể thao của các tổ chức, hội đoàn thể của địa phương, đặc biệt là việc tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sỹ, người có công trên địa bàn xã, phường nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/07, chung tay với ban ngành của địa phương tặng quà tết cho các hộ nghèo của xã,

phường vào dịp tết nguyên đán giúp bà con có được cái tết đầm ấm hơn trong dịp xuân về. Kết quả, Tập đoàn đã đóng góp các Quỹ xã hội và từ thiện: 1.364 triệu đồng. Ngoài ra, từ năm 1998 đến nay Tập đoàn vẫn duy trì đều đặn hàng tháng trợ cấp 10 cụ già cô đơn và 1 thương binh nặng thuộc diện chính sách tại xã An Đồng, huyện An Dương.

5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	SỐ SÁNH (%)
1	Sản lượng sản xuất				
	Giấy đế	Tấn	20.988	22.603	107,69%
	Giấy Kraft	Tấn	12.129	18.029	148,65%
	Giấy Tissue	Tấn	2.153	3.027	140,59%
	Xuất khẩu	Conts	998	1.263	126,55%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	381.109	476.101	157,25%
	Xuất khẩu:	USD	10.032.846	13.563.533	135,19%
4	LN trước thuế	Triệu đồng	16.450	41.819	254,22%
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	Nộp đúng, nộp đủ	Nộp đúng, nộp đủ	

Năm 2018 là một năm đầy khó khăn đối với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn do biến động thị trường giấy xuất khẩu sang Đài Loan và Trung Quốc, khan hiếm nguyên liệu, nhu cầu tăng đột biến, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, Tập đoàn đã chủ động vượt qua trở ngại tạo được tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động và sẽ thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	394.52	473.87	-79.35	-16,77%
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	5.10	105.48	-100.38	-95,16%
2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	22.7	15.9	6.8	42,76%
3 - Các khoản phải thu ngắn hạn	273.31	261.57	11.74	4,5%
4 - Hàng tồn kho	84.16	80.12	4.04	5,04%
5 - Tài sản ngắn hạn khác	9.25	10.795	-1.545	-14,31%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	425.884	321.73	104.154	32,37%
1 - Tài sản cố định	88.567	75.277	13.29	17,65%
2 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	231.9	231.9	0	0
3 - Tài sản dài hạn khác	1.613	5.592	-3.979	-71,15%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	820.4	795.6	24.8	3,12%

- Tài sản dài hạn tăng 32,37% chủ yếu là do tăng các khoản phải thu về cho vay dài hạn: Bệnh viện Quốc tế Green, Công ty TNHH VIDA Hải Phòng.

b. Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	118.31	127.41	- 9.1	-7,14%
1 - Nợ ngắn hạn	114.84	123.53	- 8.69	-7,03%
2 - Nợ dài hạn	3.46	3.87		
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	702.091	668.19	33.901	5,07%
1 - Vốn chủ sở hữu	702.091	668.19	33.901	5,07%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	820.4	795.6	24.8	3,12

- Nợ phải trả của Tập đoàn cuối năm giảm 9,1 tỷ đồng tương đương 7% tương ứng với việc nguồn vốn giảm.
- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu so với năm trước cụ thể: năm trước Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2017 là 0,51 lần; năm nay hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2018 là 0,19 lần. Hệ số này thể hiện chiều hướng tốt của doanh nghiệp.
- Khoản vay và nợ ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại 41,054 tỷ đồng chiếm 34% trong tổng nợ phải trả, với doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt 476 tỷ đồng thì đây cũng là một chỉ tiêu tài chính tốt. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro phải phụ thuộc vào nguồn vốn vay từ các Ngân hàng Tập đoàn cần phải tích cực hơn nữa trong công tác thu hồi vốn; tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển.
- Trong năm 2018, Tập đoàn không có các khoản nợ phải trả xấu nào và không bị ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thực hiện triệt để cơ chế khoán lợi nhuận/doanh thu đối với các đơn vị thành viên.
- Tăng quyền tự chủ, xóa bỏ bao cấp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư cho các đơn vị sau khi đã thử nghiệm bước đầu thành công tại Công ty CP Hải Hà và Công ty TNHH VIDA Hải Phòng.
- Tập đoàn tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như: Đào tạo, tuyển dụng, tạo nguồn nhân lực đủ để bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận từ ca sản xuất đến các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ tại văn phòng Tập đoàn.
- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện, cập nhật và nâng cấp hệ thống ISO để phục vụ tốt cho quản lý, điều hành sản xuất.

d. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Tập đoàn đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn là:

- Thực hiện dự án giấy tissue theo công nghệ mới, dự án giấy từ bột đá và thành lập liên doanh sản xuất, xuất khẩu gỗ tại Liên Bang Nga là bước đi chiến lược của Tập đoàn.
- Giao kế hoạch hàng tháng, hàng quý cho các đơn vị thành viên gắn liền với các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lợi nhuận, trong đó lấy lợi nhuận làm trọng tâm đổi mới phương pháp quản lý.
- Bổ sung hoàn chỉnh các qui chế; tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và cá nhân những người đứng đầu đơn vị, cán bộ quản lý hoặc phụ trách từng dự án, có thưởng phạt trách nhiệm trên cơ sở khoán chi phí, doanh thu, lợi nhuận, tiến độ của dự án.
- Tuyển chọn đủ nguồn nhân lực cấp cao có chất lượng trong việc điều hành các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ... tổ chức thực hiện các dự án có chất lượng: kịp tiến độ, tránh mọi tiêu cực, lãng phí.
- Thực hành tiết kiệm, tiếp tục giảm thiểu các chi phí đầu vào để tăng khả năng cạnh tranh cho hàng hóa sản phẩm và dịch vụ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ và xử lý kịp thời các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, tài chính và đầu tư để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.
- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Tập đoàn kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng giấy Kraft	Tấn	24.000
2	Sản lượng giấy tissue	Tấn	3.330
3	Sản lượng giấy đế	Tấn	24.860
	Tổng sản lượng	Tấn	48.020
	- Trong đó xuất khẩu	Conts	1.389
4	Tổng doanh thu	Tỷ	524
5	Nộp ngân sách NN		Nộp đúng, nộp đủ
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	46

e. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tập đoàn:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tập đoàn: Tập đoàn đã xây dựng được bộ máy điều hành sản xuất từ Ban Tổng giám đốc đến các ca sản xuất, phối hợp tổ chức hoạt động một cách đồng bộ, năng động, nhịp nhàng, linh hoạt và hiệu quả. Chú trọng giải quyết mọi vướng mắc như nguồn nhân lực, vật tư máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, nguồn tài chính. Tuyệt đối không để khách hàng và đối tác kiến nghị, phàn nàn. Định kỳ hàng tháng, Hội đồng quản trị đều phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức các buổi giao ban trực tiếp với các trưởng phó phòng ban Tập đoàn, Giám đốc các đơn vị thành viên nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng, quý, những tồn tại và giải pháp khắc phục. Trên cơ sở đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho kỳ tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tập đoàn: Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị. Năm 2018 thực hiện tốt các chỉ tiêu so với cùng kỳ, chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính, nhân lực, vật tư máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cũng như các quy định khác của pháp luật. Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn Tập đoàn cũng như đảm bảo được cổ tức cho cổ đông và thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Kiên trì thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn đã được Đại hội đồng cổ đông thương niên thông qua. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ của Tập đoàn cũng như thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Tập đoàn có **07** thành viên Hội đồng quản trị, trong đó:

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 04 thành viên: **Ông Vũ Xuân Thủy, ông Vũ Xuân Cường, ông Vũ Xuân Thịnh, ông Nguyễn Đức Hậu.**

Thành viên quản trị không điều hành gồm 03 thành viên: **Ông Vũ Dương Hiền; Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc; Ông Lê Như Tiến.**

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT thường xuyên duy trì công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của Tập đoàn nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác của Tập đoàn. Cố gắng phát hiện và khắc phục các mặt còn hạn chế, tạo đà cho phát triển bền vững, nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa tập thể, người lao động, nhà đầu tư cũng như đối tác và khách hàng.

Năm 2018, HĐQT Tập đoàn đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT cũng đưa ra các định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông, người lao động và các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát, cụ thể:

+ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2017, Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét, Báo cáo tài chính quý 3 năm 2018, Báo cáo tài chính quý 4 năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

+ Đã chỉ đạo sát sao công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 18/5/2018.

+ Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tập đoàn đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Tập đoàn theo đúng quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, tuân thủ đúng điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của công ty và bám sát nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Đôn đốc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Tập đoàn đã tiến hành 13 phiên họp thường kỳ và theo vụ việc (đã phát hành 13 nghị quyết) nhằm đưa ra định hướng phát triển Tập đoàn, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt

động, quản lý khác của Tập đoàn; triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc triển khai các dự án đầu tư của Tập đoàn được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tập đoàn trong năm 2018 cụ thể như sau:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	01/2018/NQ-HĐQT-HAP	06/1/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 12 năm 2017
2	02/2018/NQ-HĐQT-HAP	06/2/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 01 năm 2018
3	03/2018/NQ-HĐQT-HAP	07/3/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 02 năm 2018. Thông qua một số dự án phát triển đến năm 2020; Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2018 và chủ trương phát hành trái phiếu doanh nghiệp huy động vốn cho Công ty CP Giấy Hải Phòng HAPACO.
4	04/2018/NQ-HĐQT-HAP	16/4/2018	Họp HĐQT xin gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
5	05/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/5/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 04 năm 2018
6	06/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/6/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 05 năm 2018
7	07/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/7/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 06 năm 2018
8	08/2018/NQ-HĐQT-HAP	08/8/2018	Chấp thuận thôi chức vụ và bổ nhiệm Tổng Giám đốc
9	09/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/8/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 07 năm 2018
10	10/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/9/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết

			hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 08 năm 2018
11	11/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/10/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 09 năm 2018
12	12/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/11/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 10 năm 2018
13	13/2018/NQ-HĐQT-HAP	05/12/2018	Họp HĐQT mở rộng sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 11 năm 2018

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành: Đã thống nhất và kết hợp với các thành viên điều hành thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ Tập đoàn trong mọi hoạt động nhằm đưa ra định hướng phát triển Tập đoàn, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của Tập đoàn.

d. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Vũ Dương Hiền – Chủ tịch HĐQT

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát Tập đoàn gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên ban kiểm soát theo danh sách sau:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban	0	0%
2	Võ Văn Tính	Thành viên	39.528	0,07%
3	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên	164	0,0003%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2018 Ban kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp với nội dung: Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn; thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính năm của Tập đoàn; nhận xét đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tóm tắt các ý kiến nhận xét của Ban kiểm soát năm 2018, Tập đoàn đã tuân thủ

nghiêm túc các văn bản, nghị quyết, quyết định, quy chế do Hội đồng quản trị Tập đoàn ban hành; trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ và theo vụ việc để chỉ đạo tình hình hoạt động của Tập đoàn, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo đúng pháp luật, điều lệ Tập đoàn và các nghị quyết đã ban hành. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt hiệu quả. Chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng dự án của Tập đoàn theo đúng quy định. Chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán và các quy định hiện hành đầy đủ và kịp thời. Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của cổ đông liên quan đến việc quản trị và điều hành Tập đoàn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tập đoàn.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

Giám đốc: Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần xây dựng và hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị thường mở rộng có Ban kiểm soát tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển đến Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, các cổ đông trong và ngoài Tập đoàn về hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, đại hội cổ đông..., vv. Để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ đãi ngộ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động của Tập đoàn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2018, thành viên HĐQT và thành viên BKS chưa được trích thù lao năm 2018.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tập đoàn luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

VII. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bản cân đối kế toán; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1. Ý kiến của Kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (*Đình kèm Báo cáo tài chính năm 2018*)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2019

TẬP ĐOÀN HAPACO

Nơi gửi:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Tp. HCM;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH HĐQT
TS. Vũ Dương Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán	6 – 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	8 – 55
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>8 – 11</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2018</i>	<i>12</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2018</i>	<i>13 – 14</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018</i>	<i>15 – 55</i>

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và Số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 556.266.210.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2018: 556.266.210.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại : 0225 3556 002

Fax : 0225 3556 008

Mã số thuế : 0 2 0 0 3 7 1 3 6 1

Ngành nghề kinh doanh chính

Đầu tư tài chính, Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ.

Các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày lập báo cáo:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán	6,64%	6,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	Hoạt động tư vấn quản lý	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	Kinh doanh đồng được	20,00%	20,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 55).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên
Ông Lê Như Tiến	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Vũ Xuân Thủy

Ông Vũ Xuân Cường

Ông Vũ Xuân Thịnh

Ông Nguyễn Đức Hậu

Ông Nguyễn Văn Hưởng

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2018

Miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Ông Nguyễn Thanh Toàn

Ông Võ Văn Tính

Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang

Chức vụ

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

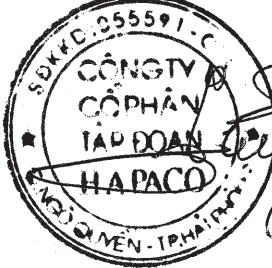
Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

Số : 1105.02.04/2018/NVT2-BCTC
Ngày : 14 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019 từ trang 08 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính **hợp nhất đề cập đã phản ánh** trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính **hợp nhất**.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.516.147.224	473.872.343.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.098.447.397	105.482.294.460
1. Tiền	111		5.098.447.397	105.482.294.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	22.700.085.600	15.900.088.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		363.842	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(278.242)	(275.842)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22.700.000.000	15.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.306.767.443	261.574.278.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72.835.359.227	59.037.052.040
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.812.446.277	18.705.164.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	12.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	189.269.398.670	192.107.246.086
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.610.436.731)	(8.287.184.729)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	84.163.726.604	80.120.301.626
1. Hàng tồn kho	141		93.210.020.047	89.191.892.433
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.046.293.443)	(9.071.590.807)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.247.120.180	10.795.381.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	708.131.946	584.190.393
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.536.409.239	10.187.602.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.578.995	23.589.120
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		425.884.562.945	321.726.047.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		103.485.792.784	6.600.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	103.200.000.000	6.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		285.792.784	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.567.968.052	75.277.152.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	73.518.000.091	71.901.757.178
Nguyên giá	222		257.331.663.924	248.644.868.820
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.813.663.833)	(176.743.111.642)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	8.466.231.769	-
Nguyên giá	225		9.526.426.127	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.060.194.358)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.583.736.192	3.375.395.075
Nguyên giá	228		10.902.598.210	7.106.094.928
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.318.862.018)	(3.730.699.853)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		313.200.000	2.352.154.424
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	313.200.000	2.352.154.424
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	231.903.658.163	231.904.064.834
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		195.027.070.313	195.023.256.654
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.424.251.523	41.424.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.547.663.673)	(4.543.443.343)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.613.943.946	5.592.676.342
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.613.943.946	5.542.168.447
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	50.507.895
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		820.400.710.169	795.598.391.661

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất(tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		118.308.720.994	127.405.744.443
I. Nợ ngắn hạn		310		114.843.744.337	123.534.763.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	21.321.907.934	25.986.014.328
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		2.010.497.065	2.706.385.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.15	23.838.828.721	19.960.773.590
4. Phải trả người lao động		314		7.419.240.543	4.884.551.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.16	4.468.105.267	2.975.227.984
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.17	14.347.723.392	14.185.256.226
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.18a	41.054.509.229	52.243.822.128
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.19	382.932.186	592.732.186
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3.464.976.657	3.870.981.319
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		53.716.515	-
7. Phải trả dài hạn khác		337		20.900.000	20.900.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.18b	3.390.360.142	3.850.081.319
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

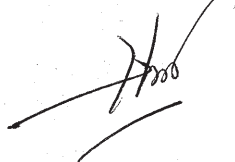
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		702.091.989.175	668.192.647.218
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	702.091.989.175	668.192.647.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.204.460.228	64.204.460.228
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.696.884.872	17.128.026.190
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.128.026.190	3.990.160.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.568.858.682	13.137.865.330
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.660.429.399	5.329.946.120
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		820.400.710.169	795.598.391.600

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Cao Thị Thúy Lan

Cao Thị Thúy Lan

Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

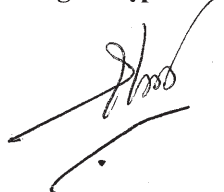
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	476.100.693.416	381.108.534.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	10.404.450	141.164.595
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	476.090.288.966	380.967.369.893
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	390.666.010.223	328.632.088.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.424.278.743	52.335.281.461
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	1.394.800.871	2.875.314.003
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	3.667.665.744	4.450.445.608
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.216.880.317	4.065.084.308
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.813.659	217.868.308
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	16.567.811.616	14.524.627.695
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	24.661.515.012	22.390.584.482
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.925.900.901	14.062.805.987
12. Thu nhập khác	31	VII.7	314.455.564	4.348.771.958
13. Chi phí khác	32	VII.8	421.458.997	1.961.363.122
14. Lợi nhuận khác	40		(107.003.433)	2.387.408.836
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.818.897.468	16.450.214.823
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	7.819.555.511	3.027.206.890
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.999.341.957	13.423.007.933
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.668.858.682	13.252.865.336
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.330.483.275	170.142.597
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	588,93	238,91

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

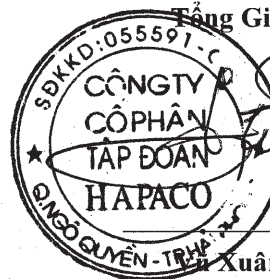
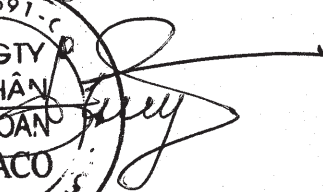
Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc

Cao Thị Thúy Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm tru
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.818.897.468	16.450.214.8
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	16.802.436.667	16.298.899.7
- Các khoản dự phòng	03	(39.794.808)	1.254.510.8
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(34.696.395)	(12.661.36
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(924.038.352)	(3.236.651.89
- Chi phí lãi vay	06	3.216.880.317	4.065.084.3
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.839.684.897	34.819.396.4
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.003.921.018)	106.657.424.4
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.018.127.614)	682.971.4
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.018.988.405)	(9.985.541.36
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	165.216.003	377.639.4
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.199.800.382)	(4.684.723.32
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.089.716.948)	(2.248.819.53
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(309.800.000)	(2.692.600.00
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.364.546.533	122.925.747.4
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24.334.656.327)	(10.402.439.36
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	5.816.210.520	2.678.500.0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104.000.000.000)	(7.378.000.00
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	612.000.000	38.246.564.5
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	134.320.652.7
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	774.038.352	2.773.120.3
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(121.132.407.455)	160.238.398.3

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	128.078.065.389	247.894.583.442
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(143.700.191.837)	(420.795.995.279)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.000.549.488)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.092.340.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.622.675.936)	(183.993.752.037)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(100.390.536.858)	99.170.393.750
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	105.482.294.460	6.289.660.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.689.795	22.240.113
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	5.098.447.397	105.482.294.460

Người lập biểu

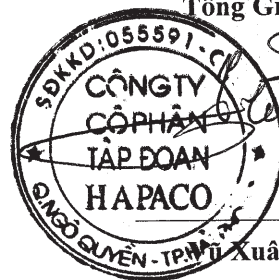
Cao Thị Thủy Lan

Kế toán trưởng

Cao Thị Thủy Lan

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư tài chính, Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất bột giấy và giấy các loại;
 - Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
 - In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
 - Hoạt động của Bệnh viện./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

6. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

5. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	3 – 20

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối năm khi lập Báo cáo tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

15. Nguyên tắc kế toán chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số IX.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.058.432.089	546.973.799
Tiền gửi ngân hàng	4.040.015.308	104.935.320.661
Cộng	5.098.447.397	105.482.294.460

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	363.842	85.600	278.242	363.842	88.000	275.842
<i>Cổ phiếu</i>	<i>363.842</i>	<i>85.600</i>	<i>278.242</i>	<i>363.842</i>	<i>88.000</i>	<i>275.842</i>
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	363.842	85.600	278.242	363.842	88.000	275.842
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.700.000.000	22.700.000.000	-	15.900.000.000	15.900.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	<i>22.700.000.000</i>	<i>22.700.000.000</i>	<i>-</i>	<i>15.900.000.000</i>	<i>15.900.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	22.700.363.842	22.700.085.600	278.242	15.900.363.842	15.900.088.000	275.842

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 15.000.000.000 đồng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1803100084 ngày 31 tháng 01 năm 2018 và PL03-LD1803100084 ngày 04 tháng 01 năm 2019.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	195.027.070.313		195.023.256.654	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (1)	195.027.070.313	-	195.023.256.654	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.424.251.523	4.547.663.673	41.424.251.523	4.543.443.343
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	-	23.624.251.523	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanfinco	15.000.000.000	2.547.663.673	15.000.000.000	2.543.443.343
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần An Bình	450.000.000	-	450.000.000	-
Quỹ tín dụng thành phố Yên Bái	350.000.000	-	350.000.000	-
Cộng	236.451.321.836	4.547.663.673	236.447.508.177	4.543.443.343

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green theo Báo cáo tài chính Hợp nhất Bao gồm khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng- Công ty con. Trong đó

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green, Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO, Quyết định số 09/QĐ-Green-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của Tập đoàn Hapaco vào Bệnh viện với số tiền 114.893.424.570 đồng. Đồng thời, Tập đoàn HAPACO thực hiện ghi nhận giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green tương ứng. Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh, trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 177.000.000.000 VND

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.805.388.346 VND.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết khi hợp nhất được xác định theo phương pháp vốn chủ:

Giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại Công ty mẹ	
và Công ty con vào Công ty liên kết	195.023.256.654
Lãi lỗ phát sinh của Công ty liên kết khi hợp nhất	3.813.659
Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết sau khi Hợp nhất	195.027.070.313

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động SXKD chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	Hải Phòng	6,64%	6,64%	Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hafinco	Hải Phòng	15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Đông dược Phường Hải Tân, Hải Dương Tiên Sa		20,00%	20,00%	Kinh doanh đông dược

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	2.613.917.404	3.818.214.048
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	167.500.000	232.389.470
Công ty Cổ phần bệnh viện QT Green	6.545.000	2.750.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	2.439.872.404	3.583.074.578
Phải thu các khách hàng khác	70.221.441.823	55.218.837.992
Công ty HOUH YOW ENTERPRISE	29.752.631.862	27.513.159.683
Các đối tượng khác	40.468.809.961	27.705.678.309
Cộng	72.835.359.227	59.037.052.040

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Trả trước các bên liên quan	268.977.846	-	2.071.074.716	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	268.977.846	-	2.071.074.716	-
Trả trước các khách hàng khác	15.543.468.431	-	16.634.089.938	1.916.233.890
Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	443.201.495	-	637.750.445	-
Công ty TNHH SX Giấy và Bao Bì Phương Đông	185.156.248	-	5.727.000.000	-
Công ty cổ phần Đức Toàn	-	-	1.913.000.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Vạn Điểm	8.593.009.095	-	-	-
Công ty CP sản xuất TM Dịch vụ Quang Huy	4.860.987.340	-	-	-
Chou Ching Shui	-	-	744.626.880	744.626.880
Các đối tượng khác	1.461.114.253	-	7.611.712.613	1.171.607.010
Cộng	15.812.446.277	-	18.705.164.654	1.916.233.890

5. Phải thu về cho vay

a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác		
Bà Vũ Thị Hiến	-	12.000.000
Cộng	-	12.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	97.200.000.000	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	72.200.000.000	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	25.000.000.000	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	6.000.000.000	6.600.000.000
Ông Đặng Hoa Đăng (1)	6.000.000.000	6.600.000.000
Cộng	103.200.000.000	6.600.000.000

(1) Là khoản phải thu Ông Đặng Hoa Đăng theo Hợp đồng cho vay số: 28.02/2014/HĐVV ngày 28/02/2014 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng và Ông Đặng Hoa Đăng. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0%. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Ông Đặng Hoa Đăng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 6.000.000.000 VND

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	131.456.741.529	-	131.817.573.029	-
Thành viên HĐQT- Ông Vũ Dương Hiền	-	-	70.000.000	-
Ông Vũ Xuân Thuỷ	-	-	50.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	-	10.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	14.812.406.097	-	14.812.406.097	-
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green - khoản chi hộ	1.750.910.862	-	1.750.910.862	-
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện (1)	114.893.424.570	-	114.893.424.570	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	-	-	230.831.500	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	57.812.657.141	154.710.948	60.289.673.057	1.896.504.882
Tạm ứng	266.130.950	-	348.599.650	-
Tiền lãi hợp đồng tiền gửi	409.533.836	-	343.703.287	-
Công ty CP Dệt may Hapaco	45.008.909.422	-	45.008.909.422	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Đăng về tiền lãi dự thu	1.511.626.664	-	1.511.626.664	-
Phải thu công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc của Tập đoàn	9.671.400.000	-	9.848.100.000	-
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	-	-	466.591.233	461.380.464
Các đối tượng khác	945.056.269	154.710.948	2.762.142.801	1.435.124.418
Cộng	189.269.398.670	154.710.948	192.107.246.086	1.896.504.882

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn Hapaco, Công ty TNHH Hải Âu (nay là Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng) và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hapaco, Quyết định 09/QĐ-HAP-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của Tập đoàn Hapaco vào Bệnh viện với số tiền 114.893.424.570 đồng.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	-	-	461.380.464	-
Chênh lệch công nợ chưa rõ nguyên nhân	-	-	795.659.000	-
Công ty TNHH mậu dịch Hưng Việt - TQ	-	-	338.698.500	-
Jan Her Trade	-	-	273.272.250	-
Chou Ching Shui	-	-	744.626.880	-
Yeong Jong	-	-	463.569.315	-
Công ty Cổ phần chế biến nông lâm sản Hà Giang	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	1.366.324.756	-	1.366.324.756	-
Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Tiến Á Châu	100.000.000	-	150.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Phú	1.034.216.620	-	1.034.216.620	-
Công ty TNHH MTV TM Giấy Hoà Bình	318.865.738	-	358.865.738	-
Công ty TNHH Huỳnh Trân	371.000.000	-	371.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tân Việt Tân	211.007.352	-	211.007.352	-
Các đối tượng khác	1.216.935.481	7.913.225	1.773.306.601	54.742.747
Cộng	4.618.349.956	7.913.225	8.341.927.476	54.742.747

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	6.550.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.779.231.248	987.927.093	18.259.403.317	692.289.821
Công cụ, dụng cụ	1.397.067.536	198.749.403	1.000.936.512	168.095.118
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.199.213.415	-	6.160.892.517	-
Thành phẩm	65.952.384.287	7.859.616.947	61.931.359.557	8.211.205.868
Hàng hóa	1.368.602.532	-	542.092.416	-
Hàng gửi đi bán	2.513.521.029	-	1.290.658.114	-
Cộng	93.210.020.047	9.046.293.443	89.191.892.433	9.071.590.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	494.146.813	465.083.270
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	202.076.852	61.289.995
Lương nghỉ phép, nghỉ lễ	-	53.690.000
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.908.281	4.127.128
Cộng	708.131.946	584.190.393

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.006.851.625	995.748.194
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	597.925.654	907.353.309
Chi phí thuê đất	-	3.639.066.944
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.166.667	-
Cộng	1.613.943.946	5.542.168.447

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	82.927.794.019	154.499.120.003	9.521.130.833	534.545.736	1.162.278.229	248.644.868.820
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	9.573.827.367	6.192.480.289	7.791.537.272	-	-	23.557.844.928
Tăng trong kỳ do đầu tư XD CB hoàn thành	856.872.142	1.958.893.681	-	-	-	2.815.765.823
Thanh lý, nhượng bán	(466.058.738)	(15.344.330.435)	(1.062.933.727)	(158.203.099)	-	(17.031.525.999)
Giảm khác (phá dỡ)	-	(655.289.648)	-	-	-	(655.289.648)
Số cuối năm	92.892.434.790	146.650.873.890	16.249.734.378	376.342.637	1.162.278.229	257.331.663.924

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

18.008.560.357	26.310.269.425	6.467.441.712	376.342.637	1.012.404.240	52.175.018.371
----------------	----------------	---------------	-------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	54.778.166.586	112.526.571.735	7.778.577.490	524.549.165	1.135.246.666	176.743.111.642
Khấu hao trong kỳ	5.408.478.135	9.170.383.160	697.679.618	9.996.571	24.978.997	15.311.516.481
Thanh lý, nhượng bán	(466.058.738)	(5.898.479.078)	(1.062.933.727)	(158.203.099)	-	(7.585.674.642)
Giảm khác (phá dỡ)	-	(655.289.648)	-	-	-	(655.289.648)
Số cuối năm	59.720.585.983	115.143.186.169	7.413.323.381	376.342.637	1.160.225.663	183.813.663.833

Giá trị còn lại

Số đầu năm	28.149.627.433	41.972.548.268	1.742.553.343	9.996.571	27.031.563	71.901.757.178
Số cuối năm	33.171.848.807	31.507.687.721	8.836.410.997	-	2.052.566	73.518.000.091

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 101.674.412.373 VND và 28.216.923.105 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay của TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
Tăng do phân loại lại (*)	3.796.503.282		3.796.503.282
Số cuối cuối năm	9.641.732.932	1.260.865.278	10.902.598.210
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.068.745.616	661.954.237	3.730.699.853
Tăng do phân loại lại (*)	157.436.337		157.436.337
Khấu hao trong năm	367.682.568	63.043.260	430.725.828
Số cuối năm	3.593.864.521	724.997.497	4.318.862.018
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.776.484.034	598.911.041	3.375.395.075
Số dư cuối năm	6.047.868.411	535.867.781	6.583.736.192

(*) Là giá trị quyền sử dụng đất 50 năm tại xí nghiệp Trần Yên đã trả tiền một lần được phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm		
Tăng trong kỳ	9.526.426.127	9.526.426.127
Số cuối cuối năm	9.526.426.127	9.526.426.127
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm		
Khấu hao trong kỳ	1.060.194.358	1.060.194.358
Số cuối năm	1.060.194.358	1.060.194.358
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	8.466.231.769	8.466.231.769

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định		1.159.865.549	1.159.865.549	-
Xây dựng cơ bản dở dang	150.000.000	333.141.891	178.041.891	305.100.000
- Dự án xây dựng trường mầm non	150.000.000			150.000.000
- Công trình xử lý nước thải	-	155.100.000		155.100.000
- Công trình lấp lại mái xưởng số 2	-	65.380.150	65.380.150	-
- Lò đốt cùi		112.661.741	112.661.741	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.100.000	249.142.288	249.142.288	8.100.000
Chi phí cải tạo máy cho xí nghiệp giấy mỏng	2.194.054.424	443.669.508	2.637.723.932	-
Cộng	2.352.154.424	2.185.819.236	4.224.773.660	313.200.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.371.470.347	456.445.131
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	1.289.630.347	399.157.131
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội	81.840.000	57.288.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	19.950.437.587	25.529.569.197
Công ty cổ phần xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600
Ông Ngô Văn Cường	-	1.564.412.300
Ông Nguyễn Văn Điền	-	1.866.267.500
Công ty Cổ phần xây dựng TM và dịch vụ vận tải Đăng Khoa	2.601.641.996	2.392.972.540
Các nhà cung cấp khác	16.054.750.991	12.173.048.233
Cộng	21.321.907.934	25.986.014.328

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.984.686.392	-	14.889.302.859	14.581.811.841	-	2.292.177.410	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.319.510.552	2.578.995	7.819.555.511	4.089.716.948	-	19.049.349.115	2.578.995
Thuế thu nhập cá nhân	1.626.997.686	-	386.223.077	265.550.794	232.962.581	1.514.707.388	-
Thuế tài nguyên	32.383.584	-	-	-	-	7.472.126	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	964.362.000	21.010.125	1.976.804.984	1.955.794.859	-	964.362.000	-
Các loại thuế khác	32.833.376	-	186.029.016	208.101.710	-	10.760.682	-
Cộng	19.960.773.590	23.589.120	25.257.915.447	21.100.976.152	232.962.581	23.838.828.721	2.578.995

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc và Công ty Cổ phần Hải Hà nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10%. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và các Công ty con khác nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000007 ngày 31/05/2007 của UBND tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Hải Hà được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận thu được và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2018 là năm thứ 7 công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác

Kê khai, nộp thuế theo quy định của nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		19.913.851
Ông Vũ Dương Hiền- Lãi vay phải trả	-	19.913.851
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.468.105.267	2.955.314.133
Tiền lương phép phải trả, tiền ăn ca, tiền nghỉ lễ	3.111.651.942	1.807.599.727
Chi phí lãi vay phải trả	111.933.846	74.940.060
Chi phí nước thải	30.000.000	-
Chi phí tiền điện	118.935.725	-
Cước vận chuyển	219.116.319	108.610.253
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	876.467.435	964.164.093
Cộng	4.468.105.267	2.975.227.984

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	11.512.060.669	10.947.424.925
Công ty Cổ Phần bệnh viện quốc tế Green	10.862.060.669	10.297.424.925
Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	650.000.000	650.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.835.662.723	3.237.831.301
Kinh phí công đoàn	238.168.104	202.743.226
Bảo hiểm xã hội	23.147.829	-
Bảo hiểm y tế	4.084.911	-
Bảo hiểm thất nghiệp	915.516	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	149.520.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	164.340.050
Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1.370.251.800	1.530.251.800
Cổ tức phải trả cổ đông	14.232.000	14.232.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.184.862.563	1.176.744.225
Cộng	14.347.723.392	14.185.256.226

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	38.053.684.997	38.053.684.997	50.243.822.128	50.243.822.128
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.970.833.946	22.970.833.946	37.243.822.128	37.243.822.128
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	2.009.348.536	2.009.348.536	5.054.775.000	5.054.775.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	10.882.766.400	10.882.766.400	6.618.214.363	6.618.214.363
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)	10.078.719.010	10.078.719.010	16.250.000.000	16.250.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	-	-	9.320.832.765	9.320.832.765
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Bà Hoàng Oanh (4)	10.000.000.000	10.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.082.851.051	5.082.851.051	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	263.040.000	263.040.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng - Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	969.729.732	969.729.732	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	3.850.081.319	3.850.081.319	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco</i>	3.000.824.232	3.000.824.232	-	-
Cộng	41.054.509.229	41.054.509.229	52.243.822.128	52.243.822.128

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/183193/HĐTD ngày 30/1/2018 giữa Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là: 2.000.000.000 VND và 265.000 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 2.009.348.536 VND.

(2) Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1735400073 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hạn mức cấp tín dụng là 9 tỷ đồng chẵn. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký. Mục đích và lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng lần cấp tín dụng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi bên thứ 3 là Ông Vũ Dương Hiền và được đảm bảo bằng Chứng chỉ tiền gửi số 030040496919/MA015772 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 16/8/2017. Giá trị tài sản đảm bảo là 9.200.000.000 VNĐ. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số PL01-LD1735400073 ký ngày 13 tháng 3 năm 2018, sửa đổi Hạn mức cấp tín dụng là 9.000.000.000 và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1800200202 ký ngày 26 tháng 1 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng) và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng. Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ các quyền đòi nợ/nguồn thu được chỉ định về tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - chi nhánh Hải Phòng của Bên được cấp tín dụng phát sinh từ các Hợp đồng dân sự, Hợp đồng kinh doanh thương mại, thỏa thuận bán hàng trực tiếp hoặc qua điện thoại... được ký kết giữa Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba có nghĩa vụ theo các Hợp đồng kinh tế bao gồm: Houh Yow Enterprise Co.,Ltd và các khách hàng của đối tác này; bao gồm nhưng không giới hạn các khoản tiền, các tài sản hình thành hoặc phát sinh mà Bên được cấp tín dụng có được từ hoạt động kinh doanh/dự án đầu tư...(trừ tàu bay, tàu biển hoặc quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất)

- Các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất 17.406m2 và cơ sở hạ tầng trên đất thuê trả tiền hàng năm từ tháng 5/2004 đến tháng 5/2044 tại địa chỉ: Xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Giấy tờ chứng minh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 841181, vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00785/QSDĐ/Số 1405/TP/2004 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải phòng (nay là Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco). Giá trị tài sản là 9.600.000.000 VND.

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1803100084 ký ngày 31 tháng 1 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn hiệu lực của Hạn mức đến 26/1/2019. Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 030043860980/EA046030 do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 30/1/2018 với giá trị là 1.000.000.000 theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số LD1803100084/HĐCC-01 ký ngày 31/1/2018. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số PL01-LD1803100084 ký ngày 18/5/2018, sửa đổi hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương; bổ sung tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi số 02/2018/STB-GHP/030045900076/EA054212 do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 17/5/2018 với giá trị 9.400.000.000 VNĐ theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số LD1803100084/HĐCC-02 ký ngày 18/5/2018. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 10.400.000.000 (Mười tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(3) Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín- chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD180680084 ngày 10 tháng 3 năm 2018, hạn mức cho vay là 23 tỷ, hạn mức sử dụng ngay là 11 tỷ, hạn mức tín dụng bao gồm dư nợ của các hợp đồng tín dụng số LD1717300210 ngày 04 tháng 07 năm 2017 và LD1732700026 ngày 24 tháng 11 năm 2017, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng, tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030040131953/CL843627 trị giá 33.620.000.000 đồng và sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030039530585/CL449752 trị giá 6.500.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 40.120.000.000 đồng.

(4) Khoản vay bà Hoàng Oanh theo Hợp đồng vay vốn số 14.03.2017/HĐVV, số tiền vay là 5.000.000.000VNĐ. Lãi suất cho vay là 3%. Và phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/14.03.2017/PL - HĐVV ngày 01 tháng 06 năm 2017, điều chỉnh số tiền vay từ 5 đến 10 tỷ đồng. Mục đích vay để hỗ trợ nhập nguyên liệu và giải quyết nhu cầu vốn lưu động trong giai đoạn công ty khó khăn chưa được tập đoàn hỗ trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	2.000.000.000				(2.000.000.000)	-
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	2.000.000.000				(2.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	44.243.822.128	123.773.065.389		(28.006.600)	(135.018.046.971)	32.970.833.946
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.243.822.128	116.573.065.389		(28.006.600)	(130.818.046.971)	22.970.833.946
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	5.054.775.000	23.142.929.653		(2.238.000)	(26.186.118.117)	2.009.348.536
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	6.618.214.363	63.730.276.630		(25.768.600)	(59.439.955.993)	10.882.766.400
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)	16.250.000.000	28.195.007.926			(34.366.288.916)	10.078.719.010
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	9.320.832.765	1.504.851.180			(10.825.683.945)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.000.000.000	7.200.000.000			(4.200.000.000)	10.000.000.000
Ông Hoàng Oanh (4)	7.000.000.000	7.200.000.000			(4.200.000.000)	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000		5.764.995.917	-	(6.682.144.866)	5.082.851.051
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	6.000.000.000	-	3.850.081.319	-	(6.000.000.000)	3.850.081.319
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng			460.320.000		(197.280.000)	263.040.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng			1.454.594.598		(484.864.866)	969.729.732
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	52.243.822.128	123.773.065.389	5.001.373.720	(25.768.600)	(2.000.549.488)	3.000.824.232
			10.766.369.637		(145.702.979.325)	41.054.509.229

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng (1)			3.850.081.319	3.850.081.319
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng (2)	854.680.000	854.680.000		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng (3)	1.535.405.402	1.535.405.402		
Nợ thuê tài chính- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội (4)	1.000.274.740	1.000.274.740	-	-
Cộng	3.390.360.142	3.390.360.142	3.850.081.319	3.850.081.319

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng vay số 2100 - LAV 201200596/HĐTD ngày 31/10/2012 và các Phụ lục Hợp đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, Khoản vay được gia hạn ngày trả nợ cuối cùng đến 25/09/2019; lãi suất vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ công trình nhà máy, dây chuyền máy móc đồng bộ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất giấy Kraft thuộc Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số LD1806800129 ngày 10 tháng 3 năm 2018, số tiền vay 7 tỷ, mục đích vay xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất, lãi suất vay 10,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030040131953/CL843627, giá trị 33.620.000.000 đồng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/HPB/2018/HĐTD/473 ngày 29 tháng 6 năm 2018, hạn mức vay tối đa 2.990.000.000 đồng, lãi suất vay 8,8%/năm, thời hạn vay 36 tháng, tài sản đảm bảo là Xe ô tô Mercedes-Benz biển số 15A-401.80, số khung RLMUG6GX2HV001749, số máy 27682430659012. giá trị tài sản đảm bảo là 4.115.000.000 đồng.

(4) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số C180404415 ngày 17 tháng 4 năm 2018, giá trị thuê 9.526.426.127 đồng, thời hạn thuê 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Bù trừ hợp đồng thuê tài chính</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	3.850.081.319	-	-	(3.850.081.319)	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng (b)	-	1.315.000.000	-	(460.320.000)	854.680.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng (c)	-	2.990.000.000	-	(1.454.594.598)	1.535.405.
Nợ thuê tài chính- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội	-	9.526.426.127	(3.524.777.667)	(5.001.373.720)	1.000.274.
Cộng	3.850.081.319	13.831.426.127	(3.524.777.667)	(10.766.369.637)	3.390.360.

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	592.732.186	100.000.000	(309.800.000)	382.932.18
Cộng	592.732.186	100.000.000	(309.800.000)	382.932.18

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	15.142.241.851	5.029.803.527	668.472.320.282
Chi quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.565.600.000)	-	-	(2.565.600.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	130.000.000	130.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.252.865.336	170.142.597	13.423.007.933
Bù đắp quỹ khen thưởng phúc lợi âm tại Công ty TNHH Hapaco phương Đông trước thời điểm sáp nhập	-	-	-	-	(475.548.000)	-	(475.548.000)
Thuế TNDN và thuế TNCN không phải nộp tại Công ty TNHH Hapaco Phương Đông trước thời điểm sáp nhập	-	-	-	-	417.697.203	-	417.697.203
Trích quỹ KTPL của Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	-	-	-	-	(115.000.000)	-	(115.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(11.094.230.200)	-	(11.094.230.200)
Số dư cuối năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	17.128.026.190	5.329.946.124	668.192.647.218
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	17.128.026.190	5.329.946.124	668.192.647.218
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	32.668.858.682	1.330.483.275	33.999.341.957
Trích quỹ KTPL của Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	-	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Số dư cuối năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	49.696.884.872	6.660.429.399	702.091.989.175

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.626.621	55.626.621
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu phổ thông	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	55.471.151	55.471.151
- Cổ phiếu ưu đãi	55.471.151	55.471.151

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Chi tiết số dư ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết số dư ngoại tệ		
USD	15.082,22	7.294,76

2. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	6.897.244.024	1.810.459.473
Cộng	<u>6.897.244.024</u>	<u>1.810.459.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	476.100.693.416	381.108.534.488
+ <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	473.913.557.552	380.165.690.488
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.187.135.864	761.025.818
+ <i>Doanh thu hoạt động khác</i>	-	181.818.182
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.404.450)	(141.164.595)
+ <i>Chiết khấu thương mại</i>	(10.404.450)	(85.710.542)
+ <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(55.454.053)
Cộng	476.090.288.966	380.967.369.893

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	389.468.847.235	327.072.617.122
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.222.460.352	597.586.537
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.297.364)	780.066.591
Giá vốn hoạt động khác	-	181.818.182
Cộng	390.666.010.223	328.632.088.432

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	774.038.352	1.741.874.304
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	578.827.357	151.909.837
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.935.162	12.661.362
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	968.868.500
Cộng	1.394.800.871	2.875.314.003

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.216.880.317	4.065.084.308
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	436.375.721	308.064.618
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.222.730	77.296.682
Chi phí tài chính khác	10.186.976	-
Cộng	3.667.665.744	4.450.445.608

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	56.877.172	125.494.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.338.544	5.730.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.514.757.927	11.498.040.759
Chi phí bằng tiền khác	4.833.837.973	2.895.361.848
Cộng	16.567.811.616	14.524.627.695

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí cho nhân viên	14.561.398.643	13.321.953.762
Chi phí vật liệu quản lý	6.336.500	78.995.460
Chi phí đồ dùng văn phòng	266.485.375	218.857.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	850.480.489	706.642.430
Thuế, phí và lệ phí	1.292.515.161	1.054.274.560
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	1.373.671.898	443.449.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.335.402.315	3.737.114.016
Chi phí bằng tiền khác	2.975.224.631	2.829.297.589
Cộng	24.661.515.012	22.390.584.482

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không phải trả	9	3.800.762.090
Xử lý tài sản thừa chờ xử lý	164.340.050	-
Lãi thanh lý TSCĐ	150.000.000	525.909.092
Thu nhập khác	115.505	22.100.776
Cộng	314.455.564	4.348.771.958

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không thu hồi được	1.227.009	111.697.162
Thuế không được hoàn	7.503.300	
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	274.455.924	728.023.616
Chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất giấy mỏng	-	615.483.099
Phạt vi phạm lĩnh vực môi trường	-	130.000.000
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	341.015.144
Chi phí khác	138.272.764	35.144.101
Cộng	421.458.997	1.961.363.122

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.818.897.468	16.450.214.823
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	29.483.301.055	7.755.853.404
Xử lý các khoản công nợ	29.552.286.558	9.018.773.488
Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu	2.454.018	111.697.162
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp		147.315.226
Thuế không được hoàn	275.405.524	728.023.616
Chi phí dự phòng không được trừ	7.503.300	-
Chi phí không hợp lệ	1.392.392.072	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	509.779.194	772.955.937
Phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường	-	-
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ	-	130.000.000
Lỗi thanh lý tài sản cố định	183.643.333	-
Chi phí khấu hao dây truyền sản xuất giấy mỏng	127.272.728	-
Khoản lỗ được quyết toán riêng	-	615.483.099
Điều chỉnh Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tại Công ty con phát sinh do Hợp nhất	-	613.341.620
- Các khoản điều chỉnh giảm	27.181.109.117	5.899.956.828
Cổ tức lợi nhuận được chia	(68.985.503)	(1.262.920.084)
Điều chỉnh khấu hao do mua bán TS nội bộ	-	(968.868.500)
Lãi Công ty liên kết	(65.171.844)	(73.988.412)
Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền	(3.813.659)	(217.868.308)
Thu nhập chịu thuế	-	(2.194.864)
Lỗi các năm trước được chuyển	71.302.198.523	24.206.068.227
Thu nhập tính thuế	(27.396.958.660)	(2.334.675.851)
Trong đó	43.905.239.863	21.871.392.376
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% là	35.823.599.029	13.384.810.660
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% là	8.081.640.834	3.692.765.786
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Thuế suất khác thuế suất phổ thông	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.164.719.806	2.676.962.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	808.164.083	369.276.579
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(179.640.706)	(38.141.313)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.793.243.183	3.008.097.403
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	26.312.328	19.109.487
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.819.555.511	3.027.206.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	32.668.858.682	13.252.865.336
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.668.858.682	13.252.865.336
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	55.471.151	55.471.151
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	588,93	238,91

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	55.471.151	55.471.151
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	55.471.151	55.471.151

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	360.934.628.854	351.002.393.539
Chi phí nhân công	65.983.029.469	71.128.781.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.802.436.667	15.683.416.609
Thuế phí lệ phí	1.292.515.161	1.054.274.560
Chi phí dự phòng	1.348.374.534	443.449.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.208.033.987	41.605.014.002
Chi phí khác bằng tiền	6.256.008.855	9.006.730.758
Cộng	487.825.027.527	489.924.060.558

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản bằng nhận nợ thuê tài chính	9.526.426.127	-
Bù trừ công nợ phải thu thanh lý TSCĐ với khoản Nợ thuê tài chính	3.524.777.667	-
Bù trừ khoản phải thu thanh lý TSCĐ với khoản phải trả nhà cung cấp	1.288.080.553	-
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả của thành viên Hội đồng quản trị	-	1.940.000.000
Bù trừ khoản phải thu thanh lý TSCĐ với khoản phải trả nhà cung cấp	-	3.537.706.623
Chuyển nhượng vốn bằng bù trừ công nợ với Ông Vũ Dương Hiền tại Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	-	34.368.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND)	2.290.609.000	2.388.022.538
Cổ tức nhận bằng tiền của thành viên Ban lãnh đạo (VND)	-	1.717.072.400

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả	-	1.940.000.000
Phải thu thành viên Ban lãnh đạo tiền chuyển nhượng cổ phần	-	130.000.000
Thu tiền thành viên Ban lãnh đạo tiền chuyển nhượng cổ phần	130.000.000	-
Thanh toán tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	2.000.000.000	-
Thanh toán lãi tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	19.913.851	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6; V.16; V.18.

Giao dịch với bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</i>	
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	Công ty liên kết
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng thành viên
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
<i>Các đối tượng khác</i>	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green		
Thu hồi tiền góp vốn thừa	-	134.300.000.000
Phải thu tiền bảo hiểm	16.150.000	8.550.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	-	3.421.034.711
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green chuyển tiền	431.046.000	5.375.160.497
Tập đoàn Hapaco chuyển trả tiền	-	2.046.418.528
Điều chỉnh lãi vay phải trả sang Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc Tế Green	-	2.598.035.508
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện	-	114.893.424.570
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về cho vay	72.200.000.000	-
Phải thu tiền bán hàng hóa	120.340.000	-
Thu tiền bán hàng hóa	116.545.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		
Chuyển tiền thanh toán công nợ		100.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu bán hàng hoá	21.039.271.220	5.960.511.027
Phải thu khoản chi hộ	89.807.104	230.831.500
Thu tiền bán hàng hoá	4.986.334.740	2.047.375.000
Phải trả tiền mua hàng	47.089.969.905	5.107.652.395
Thanh toán tiền mua hàng	28.784.204.978	3.559.565.500
Bù trừ công nợ	16.282.175.599	4.165.734.810
Phải thu Công ty TNHH Vida Hải Phòng về cho vay	25.000.000.000	--
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội		
Phải trả tiền mua hàng hoá	24.552.000	57.288.000
Thu tiền bán hàng	1.143.202.174	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.6; V.14; V.17.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green		
Thu hồi tiền góp vốn thừa	-	134.300.000.000
Phải thu tiền bảo hiểm	16.150.000	8.550.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	-	3.421.034.711
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green chuyển tiền	431.046.000	5.375.160.497
Tập đoàn Hapaco chuyển trả tiền	-	2.046.418.528
Điều chỉnh lãi vay phải trả sang Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc Tế Green	-	2.598.035.508
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện	-	114.893.424.570
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về cho vay	72.200.000.000	-
Phải thu tiền bán hàng hóa	120.340.000	-
Thu tiền bán hàng hóa	116.545.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		
Chuyển tiền thanh toán công nợ		100.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu bán hàng hoá	21.039.271.220	5.960.511.027
Phải thu khoản chi hộ	89.807.104	230.831.500
Thu tiền bán hàng hoá	4.986.334.740	2.047.375.000
Phải trả tiền mua hàng	47.089.969.905	5.107.652.395
Thanh toán tiền mua hàng	28.784.204.978	3.559.565.500
Bù trừ công nợ	16.282.175.599	4.165.734.810
Phải thu Công ty TNHH Vida Hải Phòng về cho vay	25.000.000.000	--
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội		
Phải trả tiền mua hàng hoá	24.552.000	57.288.000
Thu tiền bán hàng	1.143.202.174	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.6; V.14; V.17.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm nay	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	353.458.196.087	104.274.782.679	9.496.538.300	8.860.771.900	-	476.090.288.966
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	168.710.500	1.468.713.760	52.221.820.600	26.757.430.400	(80.616.675.260)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.626.906.587	105.743.496.439	61.718.358.900	35.618.202.300	(80.616.675.260)	476.090.288.966
Chi phí bộ phận	304.096.349.907	86.215.907.801	51.931.535.537	29.104.064.082	(80.681.847.104)	390.666.010.223
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	49.530.556.680	19.527.588.638	9.786.823.363	6.514.138.218	65.171.844	85.424.278.743
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(41.229.326.628)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						44.194.952.115
Doanh thu hoạt động tài chính						1.394.800.871
Chi phí tài chính						(3.667.665.744)
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						3.813.659
Thu nhập khác						314.455.564
Chi phí khác						(421.458.997)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(7.819.555.511)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						33.999.341.957
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21.773.541.831	1.379.990.926	338.626.439	916.089.091	-	24.408.248.287
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.804.377.508	2.547.793.612	832.280.491	1.919.014.079	-	17.103.465.690

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	999.276.607.026	42.648.855.001	22.087.267.327	20.505.299.687	(264.117.318.872)	820.400.710.169
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						
Tổng tài sản	999.276.607.026	42.648.855.001	22.087.267.327	20.505.299.687	(264.117.318.872)	820.400.710.169
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	187.139.661.272	10.005.443.547	4.650.031.285	3.426.401.319	(86.912.816.429)	118.308.720.994
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						
Tổng nợ phải trả	187.139.661.272	10.005.443.547	4.650.031.285	3.426.401.319	(86.912.816.429)	118.308.720.994

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại	473.903.153.102	380.024.525.893
Lĩnh vực dịch vụ	2.187.135.864	761.025.818
Lĩnh vực khác	-	181.818.182
Cộng	476.090.288.966	380.967.369.893

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	41.054.509.229	3.390.360.142	-	44.444.869.371
Phải trả người bán	21.321.907.934	-	-	21.321.907.934
Các khoản phải trả khác	26.235.069.202	20.900.000	-	26.255.969.202
Cộng	88.611.486.365	3.411.260.142	-	92.022.746.507
Số đầu năm				
Vay và nợ	52.243.822.128	3.850.081.319	-	56.093.903.447
Phải trả người bán	25.986.014.328	-	-	25.986.014.328
Các khoản phải trả khác	22.045.035.794	20.900.000	-	22.065.935.794
Cộng	100.274.872.250	3.870.981.319	-	104.145.853.569

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.098.447.397	105.482.294.460	5.098.447.397	105.482.294.460
Chứng khoán kinh doanh	85.600	88.000	85.600	88.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	254.603.658.163	247.804.064.834	254.603.658.163	247.804.064.834
Phải thu khách hàng	68.379.633.399	54.562.606.083	68.379.633.399	54.562.606.083
Các khoản cho vay	103.200.000.000	6.612.000.000	103.200.000.000	6.612.000.000
Các khoản phải thu khác	189.400.480.506	190.210.741.204	189.400.480.506	190.210.741.204
Cộng	620.682.305.065	604.671.794.581	620.682.305.065	604.671.794.581
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	44.444.869.371	56.093.903.447	44.444.869.371	56.093.903.447
Phải trả người bán	21.321.907.934	25.986.014.328	21.321.907.934	25.986.014.328
Các khoản phải trả khác	26.255.969.202	22.065.935.794	26.255.969.202	22.065.935.794
Cộng	92.022.746.507	104.145.853.569	92.022.746.507	104.145.853.569

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Nhân Tâm Việt.

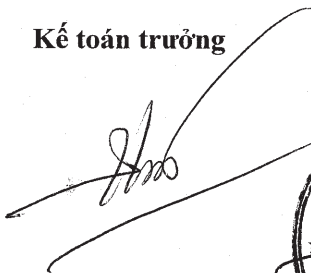
Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



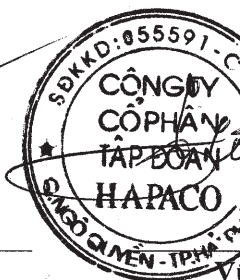
Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy